

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 9 năm 2022 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2022
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Ông Lương Trọng Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lương Trọng Hải

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0251/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.3 và VIII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty đã điều chỉnh hồi tố đối với khoản phải bồi thường Bộ Y tế theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã nộp đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự vào ngày 22/12/2022 và Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội thông báo đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty vào ngày 27/12/2022

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		962.346.195.866	838.210.231.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.016.062.475	39.227.583.624
1. Tiền	111		36.016.062.475	12.881.638.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.345.945.205
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		103.000.000.000	256.262.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	103.000.000.000	256.262.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		495.512.807.843	229.934.712.264
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	171.134.717.770	183.324.251.986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	89.939.655.920	41.974.108.137
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	292.604.653.438	61.500.425.532
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(58.166.219.285)	(56.864.073.391)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		303.946.063.318	294.658.328.315
1. Hàng tồn kho	141	V.7	309.016.804.909	296.869.519.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(5.070.741.591)	(2.211.191.549)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.871.262.230	18.127.607.070
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.565.765.248	1.385.305.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.010.306.034	14.448.713.290
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	295.190.948	2.293.588.030
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		979.344.858.632	791.857.157.973
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		749.500.000	269.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	749.500.000	269.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		429.914.765.951	453.514.993.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	407.709.144.429	451.761.488.758
<i>Nguyên giá</i>	222		857.630.897.797	879.755.850.933
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(449.921.753.368)	(427.994.362.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.619.306.398	-
<i>Nguyên giá</i>	225		20.968.786.167	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(349.479.769)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.586.315.124	1.753.504.492
<i>Nguyên giá</i>	228		2.939.218.377	2.939.218.377
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.352.903.253)	(1.185.713.885)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	161.514.636.272	3.587.252.339
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		161.514.636.272	3.587.252.339
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		378.730.000.000	328.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	379.737.810.725	329.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.435.956.409	5.755.412.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.687.928.591	4.835.064.427
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.748.027.818	920.347.957
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.941.691.054.498	1.630.067.389.246

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		636.319.474.011	761.302.666.993
I. Nợ ngắn hạn	310		476.721.469.516	659.055.572.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	36.353.861.479	30.807.919.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.660.847.589	1.179.555.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.930.336.335	3.343.494.251
4. Phải trả người lao động	314		15.767.250.418	12.715.520.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.149.590.175	4.011.190.873
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	86.618.482.661	292.077.760.681
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	311.393.645.306	311.837.981.045
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.847.455.553	3.082.149.642
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		159.598.004.495	102.247.094.632
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	159.598.004.495	102.247.094.632
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

11/15/2023 10:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	1.305.371.580.487	868.764.722.253
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.305.371.580.487	868.764.722.253
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	588.328.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	7.235.773.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		354.582.249.894	273.180.541.660
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		271.180.541.660	273.180.541.660
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83.401.708.234	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.941.691.054.498	1.630.067.389.246

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương



Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	960.886.000.357	676.492.920.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.571.172.879	21.556.184.717
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		946.314.827.478	654.936.735.647
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	734.081.068.226	496.201.443.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		212.233.759.252	158.735.292.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.174.685.439	36.259.939.413
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.993.956.105	35.151.057.430
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33.855.076.933	30.043.665.926
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	67.218.696.775	43.903.278.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.864.897.990	36.373.500.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.330.893.821	79.567.395.689
11. Thu nhập khác	31		800.122.766	1.917.576.043
12. Chi phí khác	32		768.369.681	245.434.825
13. Lợi nhuận khác	40		31.753.085	1.672.141.218
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.362.646.906	81.239.536.907
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	22.788.618.533	15.343.494.251
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(1.827.679.861)	1.028.216.226
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.401.708.234	64.867.826.430
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	104.362.646.906	81.239.536.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	36.672.439.683	33.366.524.783
- Các khoản dự phòng	03	4.161.695.936	5.122.023.428
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	64.668.538	16.712.558
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.126.899.508)	(29.854.384.343)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	33.855.076.933	30.043.665.926
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	160.989.628.488	119.934.079.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(235.975.136.693)	(75.014.350.629)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.147.285.045)	(82.108.699.351)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(186.169.240.232)	224.921.218.986
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.033.323.662)	3.547.801.732
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.593.869.611)	(31.749.247.132)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(18.343.494.251)	(25.764.354.791)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(2.234.694.089)	(403.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(328.507.415.095)	133.362.648.074
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(208.441.573.225)	(109.799.178.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	233.138.940	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(129.000.000.000)	(598.262.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	282.262.000.000	891.029.084.931
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.139.598.825	45.372.638.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.806.835.460)	178.340.544.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	355.205.150.000		20.000.000.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1.071.508.608.138		1.544.713.621.555	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.014.602.034.014)		(1.845.000.593.342)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		412.111.724.124		(280.286.971.787)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.202.526.431)		31.416.221.042	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.227.583.624		7.817.119.543	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.994.718)		(5.756.961)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	36.016.062.475		39.227.583.624	

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương



Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lương Trọng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	80,75%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	84%	84%

(i) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (TBYT) chiếm 80,75% và Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas vào TBYT chiếm 19,25% nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào TBYT là 100%.

(ii) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas (BenovasOn) chiếm 55% và Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn vào BenovasOn chiếm 29% tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào BenovasOn là 84%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 824 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 859 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích hưởng lợi nhuận vào thời điểm đáo hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

20
G
H
P
L
T
5-01
HÀN
S TY
MHU
VÀ T
& C
HÀ N
A-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.960.356	227.422.510
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.013.102.119	12.654.215.909
Các khoản tương đương tiền	-	26.345.945.205
Cộng	36.016.062.475	39.227.583.624

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	89.000.000.000	48.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	14.000.000.000	208.262.000.000
Cộng	103.000.000.000	256.262.000.000

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 5% đến 8,3%/năm.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 7,00%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế ⁽ⁱ⁾	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas ⁽ⁱⁱⁱ⁾	79.980.000.000	-	29.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ^(iv)	80.750.000.000	-	80.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas ^(v)	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	379.737.810.725	(1.007.810.725)	329.737.810.725	(1.007.810.725)

- (i) Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (MSC) được thành lập ngày 29/12/2003 trên cơ sở Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cứu Long và Lao Medical Services Co., Ltd. MSC. Hiện Công ty đã ngừng hoạt động.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn có vốn điều lệ là 163 tỷ VND, do Công ty là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas có vốn điều lệ là 30 tỷ VND. Trong năm, Công ty đã góp thêm vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas 50 tỷ VND, tương đương 5.000.000 cổ phần.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/09/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	2.998.000	99,33%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	8.075.000	80,75%	8.075.000	80,75%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước
- Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh).

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm.

Giao dịch với các công ty con

Xem Thuyết minh VII.1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	27.749.552.933	60.811.742.708
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	14.002.291.394	54.233.662.244
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	7.337.349.075	168.168.000
Phải thu các khách hàng khác	143.385.164.837	122.512.509.278
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.976.554.629
Bệnh viện Ung Bướu	6.424.095.000	184.981.500
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế và Dược phẩm Hoàn Cầu	4.696.299.400	6.000.068.750
Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	4.646.198.718	-
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	14.169.174.600	-
Các khách hàng khác	92.044.944.991	94.922.006.900
Cộng	171.134.717.770	183.324.251.986

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	19.660.806.813	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	19.660.806.813	-
Trả trước cho người bán khác	70.278.849.107	41.974.108.137
Growena Impex Company	9.992.687.271	30.623.047.678
Công ty Gelita Deutschland	5.232.960.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn Cầu	3.327.724.875	2.840.345.000
Công ty Volpak S.A Unipersonal	-	841.020.300
Công ty Nitta Gelatin Inc	1.810.490.000	3.459.410.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	35.076.789.032	-
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals ⁽ⁱⁱ⁾	11.481.898.135	-
Các nhà cung cấp khác	3.356.299.794	4.210.285.159
Cộng	89.939.655.920	41.974.108.137

⁽ⁱ⁾ Trả trước tiền để mua máy sản xuất nang cứng với tổng giá trị theo hợp đồng là 138.270.000.000 VND, thời gian nhận hàng từ 7-8 tháng kể từ khi ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Trả trước tiền để mua thuốc với tổng giá trị theo hợp đồng là 584.720 USD, thời gian nhận hàng sau khi nhận tiền tạm ứng thì hàng hóa được xuất khẩu sang Việt Nam.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	280.208.260.274	-	50.605.761.420	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (*)	280.021.260.274	-	50.020.000.000	-
Gốc hợp tác đầu tư	264.650.000.000	-	50.000.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	15.371.260.274	-	20.000.000	-
Ông Võ Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	569.300.000	-
Ông Trịnh Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	1.461.420	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	100.000.000	-	15.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải - Giám đốc điều hành - Tạm ứng	50.000.000	-	-	-
Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	37.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	12.396.393.164	(4.349.490.202)	10.894.664.112	(4.349.490.202)
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.595.310.789	-	3.841.149.046	-
Ký cược, ký quỹ	257.802.596	-	257.802.596	-
Tạm ứng	2.956.868.514	(689.833.740)	2.561.640.165	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.325.925.926	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.254.885.339	(3.659.656.462)	4.228.472.305	(3.659.656.462)
Cộng	292.604.653.438	(4.349.490.202)	61.500.425.532	(4.349.490.202)

- (*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (Công ty con), thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 7,3%-9%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Bên liên quan	6.409.912.464	(6.409.912.464)	6.409.912.464	(6.409.912.464)
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (Phải thu tiền bán hàng)	6.409.912.464	(6.409.912.464)	6.409.912.464	(6.409.912.464)
Các tổ chức và cá nhân khác	55.787.434.260	(51.756.306.821)	58.594.725.933	(50.454.160.927)
Phải thu tiền bán hàng	57.570.988.588	(46.844.427.692)	53.682.846.804	(45.542.281.798)
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	(16.428.897.499)	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	(4.976.554.629)	4.976.554.629	(4.976.554.629)
MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise	3.303.752.851	(3.303.752.851)	3.303.752.851	(3.303.752.851)
Các khách hàng khác	32.861.783.609	(22.135.222.713)	28.973.641.825	(20.833.076.819)
Phải thu các khoản chi hộ	3.717.599.787	(3.717.599.787)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	631.890.415	(631.890.415)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	68.892.780.181	(58.166.219.285)	65.004.638.397	(56.864.073.391)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	56.864.073.391	54.334.813.526
Trích lập dự phòng bổ sung	4.178.849.207	4.188.295.016
Hoàn nhập dự phòng	(2.876.703.313)	(1.659.035.151)
Số cuối năm	58.166.219.285	56.864.073.391

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2.143.051.886	-	18.656.748.481	-
Nguyên liệu, vật liệu	142.461.007.278	(1.846.273.303)	118.793.761.729	(814.345.016)
Công cụ, dụng cụ	10.543.390.280	-	10.173.027.664	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	16.471.827.121	-
Thành phẩm	147.597.306.273	(3.213.415.907)	128.664.288.053	(1.386.733.866)
Hàng hóa	6.272.049.192	(11.052.381)	4.109.866.816	(10.112.667)
Cộng	309.016.804.909	(5.070.741.591)	296.869.519.864	(2.211.191.549)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.211.191.549	9.026.757.833
Trích lập dự phòng bổ sung	2.859.550.042	2.592.763.563
Giảm khác (hủy hàng)	-	(9.408.329.847)
Số cuối năm	5.070.741.591	2.211.191.549

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	849.870.361	727.402.613
Chi phí bảo hiểm	338.704.852	246.713.562
Chi phí phần mềm	281.406.819	231.818.182
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	95.783.216	179.371.393
Cộng	<u>1.565.765.248</u>	<u>1.385.305.750</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.794.962.047	1.435.380.729
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.892.966.544	3.399.683.698
Cộng	<u>5.687.928.591</u>	<u>4.835.064.427</u>

02
G 1
PH
PH
LO
NH
002
ANH
TY
HUU
A TU
C
A NO
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.154.395.250	669.510.689.516	22.645.069.806	3.445.696.361	879.755.850.933
Mua trong năm	298.000.000	11.480.631.262	1.237.924.000	210.700.000	13.227.255.262
Thanh lý, nhượng bán	(3.000.257.921)	(29.885.716.135)	(1.294.490.752)	(1.171.743.590)	(35.352.208.398)
Số cuối năm	181.452.137.329	651.105.604.643	22.588.503.054	2.484.652.771	857.630.897.797
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.844.609.308	242.441.211.451	8.945.968.110	1.071.870.540	263.303.659.409
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	53.003.644.725	354.718.141.770	17.457.291.380	2.815.284.300	427.994.362.175
Khấu hao trong năm	7.333.644.622	27.169.850.408	1.378.201.875	274.073.641	36.155.770.546
Thanh lý, nhượng bán	(2.845.215.043)	(9.190.467.470)	(1.294.490.752)	(898.206.088)	(14.228.379.353)
Số cuối năm	57.492.074.304	372.697.524.708	17.541.002.503	2.191.151.853	449.921.753.368
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	131.150.750.525	314.792.547.746	5.187.778.426	630.412.061	451.761.488.758
Số cuối năm	123.960.063.025	278.408.079.935	5.047.500.551	293.500.918	407.709.144.429
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 298.565.670.884 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	20.968.786.167	-	20.968.786.167
Khấu hao trong năm	-	349.479.769	349.479.769
Số cuối năm	20.968.786.167	349.479.769	20.619.306.398

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	203.067.927	1.747.470.450	988.680.000	2.939.218.377
Số cuối năm	203.067.927	1.747.470.450	988.680.000	2.939.218.377
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	569.916.700	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	908.333.667	277.380.218	1.185.713.885
Khấu hao trong năm	-	117.755.376	49.433.992	167.189.368
Số cuối năm	-	1.026.089.043	326.814.210	1.352.903.253
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	203.067.927	839.136.783	711.299.782	1.753.504.492
Số cuối năm	203.067.927	721.381.407	661.865.790	1.586.315.124
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long hình thành từ 10/01/2016, thời gian khấu hao 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.314.729.000	35.610.855.948	(36.206.684.948)	2.718.900.000
Xây dựng cơ bản dở dang	272.523.339	158.523.212.933	-	158.795.736.272
Công trình Nhà máy Vikimco	272.523.339	-	-	272.523.339
Công trình Nhà máy tại Long An (*)	-	158.335.290.932	-	158.335.290.932
Dự án khác	-	187.922.001	-	187.922.001
Cộng	3.587.252.339	194.134.068.881	(36.206.684.948)	161.514.636.272

(*) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	920.347.957	1.948.564.183
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.827.679.861	(1.028.216.226)
Số cuối năm	<u>2.748.027.818</u>	<u>920.347.957</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.197.997.073</i>	<i>1.916.720.955</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	8.197.997.073	1.903.702.064
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	-	7.898.880
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	5.120.011
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>28.155.864.406</i>	<i>28.891.198.572</i>
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	1.457.030.485	3.033.625.983
Công ty TNHH Centrient Pharmaceuticals India PVT	5.315.520.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	929.692.485	2.693.057.785
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	2.794.400.000
Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	2.189.554.524	2.333.320.660
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	3.024.975.780	1.056.737.110
Các nhà cung cấp khác	15.239.091.132	16.980.057.034
Cộng	<u>36.353.861.479</u>	<u>30.807.919.527</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**15a. Phải thu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số đã bù trừ trong năm</u>	<u>Số phải thu trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.980.381.853	1.710.333.698	-	270.048.155
Thuế xuất, nhập khẩu	283.191.413	258.048.620	-	25.142.793
Thuế thu nhập cá nhân	30.014.764	30.014.764	-	-
Cộng	<u>2.293.588.030</u>	<u>1.998.397.082</u>	<u>-</u>	<u>295.190.948</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15b. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.529.381.755	27.529.381.755	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.332.522.226	1.332.522.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.343.494.251	22.788.618.533	18.343.494.251	7.788.618.533
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.489.303.469	1.347.585.667	141.717.802
Thuế nhà đất	-	1.960.711.650	1.960.711.650	-
Các loại thuế khác	-	61.924.411	61.924.411	-
Cộng	3.343.494.251	55.162.462.044	50.575.619.960	7.930.336.335

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.362.646.906	81.239.536.907
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	9.580.445.759	(4.522.065.653)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.580.445.759	(4.522.065.653)
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	9.138.399.301	(4.927.183.701)
Hoàn nhập khoản trích trước chi phí thôi việc	-	(213.897.423)
Chi phí loại trừ	121.147.167	238.777.170
Thù lao HĐQT, BKS	336.000.000	318.000.000
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(15.100.709)	62.238.301
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	113.943.092.665	76.717.471.254
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	22.788.618.533	15.343.494.251

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	591.923.900	330.716.578
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.340.114.607	596.076.168
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>6.217.551.668</u>	<u>3.084.398.127</u>
Cộng	<u>13.149.590.175</u>	<u>4.011.190.873</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>27.244.151.345</u>	<u>232.568.810.959</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	1.336.003.400	188.753.561.644
Gốc	-	184.000.000.000
Lợi nhuận	-	4.753.561.644
Phải trả khác	<u>1.336.003.400</u>	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (*)	25.908.147.945	43.815.249.315
Gốc	25.800.000.000	43.700.000.000
Lợi nhuận	<u>108.147.945</u>	<u>115.249.315</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	<u>59.374.331.316</u>	<u>59.508.949.722</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	76.817.841	205.249.052
Phải trả về bản án sơ thẩm (xem thuyết minh VII.4)	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>609.087.459</u>	<u>615.274.654</u>
Cộng	<u>86.618.482.661</u>	<u>292.077.760.681</u>

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên liên quan có thời hạn 12 tháng. Mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh với lợi nhuận cố định 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	245.407.791.419	280.522.306.095
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	11.475.805.265	39.820.122.672
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	96.115.853.240	90.223.615.741
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	99.667.119.050	50.606.160.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	38.149.017.722	49.897.428.875
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	(3.858)	49.974.978.383
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	62.405.773.887	31.315.674.950
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	31.980.773.883	31.315.674.950
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b)	3.580.080.000	-
Cộng	311.393.645.306	311.837.981.045

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất(năm)</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	7,1%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	6,7%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	7,63% - 7,64%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 31/12/2022	8,5% - 8,9%

(i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).

(ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 10 tỷ đồng.

(iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

(iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	280.522.306.095	31.315.674.950	-	311.837.981.045
Số tiền vay phát sinh	938.028.682.138	-	-	938.028.682.138
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	62.407.269.469	3.580.080.000	65.987.349.469
Số tiền vay đã trả	(973.143.196.814)	(31.317.170.532)	-	(1.004.460.367.346)
Số cuối năm	245.407.791.419	62.405.773.887	3.580.080.000	311.393.645.306

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	145.278.084.495	102.247.094.632
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	70.264.825.167	102.247.094.632
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	75.013.259.328	-
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.319.920.000	-
Cộng	159.598.004.495	102.247.094.632

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
- Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nghiệp Hữu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.12).

- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị để sản xuất capsule với thời hạn thuê 5 năm và lãi suất 10%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	65.985.853.887	31.315.674.950
Trên 1 năm đến 5 năm	159.598.004.495	102.247.094.632
Cộng	225.583.858.382	133.562.769.582

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	5.434.989.979	17.075.102.888	22.510.092.867

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	102.247.094.632	-	102.247.094.632
Số tiền vay phát sinh	115.579.926.000	17.900.000.000	133.479.926.000
Số tiền vay đã trả	(10.141.666.668)	-	(10.141.666.668)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(62.407.269.469)	(3.580.080.000)	(65.987.349.469)
Số cuối năm	145.278.084.495	14.319.920.000	159.598.004.495

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.082.149.642	1.485.949.642
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(2.234.694.089)	(403.800.000)
Số cuối năm	2.847.455.553	3.082.149.642

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số đầu năm trước	568.328.240.000	-	31.465.441.126	210.312.715.230	20.166.850	810.126.563.206
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Chuyển quyền chuyển đổi trái phiếu		7.235.773.743	(31.465.441.126)	-	-	(24.229.667.383)
Lợi nhuận trong năm trước				64.867.826.430		64.867.826.430
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	588.328.240.000	7.235.773.743	-	273.180.541.660	20.166.850	868.764.722.253
Số dư đầu năm nay	588.328.240.000	7.235.773.743	-	273.180.541.660	20.166.850	868.764.722.253
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	83.401.708.234	-	83.401.708.234
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	-	354.582.249.894	20.166.850	1.305.371.580.487

(*) Trong năm, thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 1375/UBCK-QLCB ngày 21/03/2022 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đã phân phối 14.208.206 cổ phiếu với giá bán 25.000 VND/cổ phiếu. Ngày 21/3/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 23/BC-DCL ngày 17/03/2022 của Công ty.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	164.302.080.000
Cộng	730.410.300.000	588.328.240.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	58.832.824
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	58.832.824
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	7.722,17	22.697,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	111.628.672.489	5.371.877.431
Doanh thu bán thành phẩm	849.257.327.868	671.121.042.933
Cộng	<u>960.886.000.357</u>	<u>676.492.920.364</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan
Xem Thuyết minh VII.1.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	10.448.596.445	4.300.155.972
Hàng bán bị trả lại	4.044.400.362	2.193.452
Giảm giá hàng bán	78.176.072	17.253.835.293
Cộng	<u>14.571.172.879</u>	<u>21.556.184.717</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	100.619.762.701	5.394.088.612
Giá vốn của thành phẩm đã bán	630.601.755.483	488.214.591.312
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.859.550.042	2.592.763.563
Cộng	<u>734.081.068.226</u>	<u>496.201.443.487</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.861.811.475	26.832.566.341
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.949.093	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	19.001.260.274	7.343.616.436
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	279.664.597	2.083.756.636
Cộng	<u>37.174.685.439</u>	<u>36.259.939.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	33.855.076.933	30.043.665.926
Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư	4.936.241.096	5.016.710.137
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	137.969.538	90.681.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.668.538	-
Cộng	<u>38.993.956.105</u>	<u>35.151.057.430</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	27.811.526.980	19.879.906.956
Chi phí vật liệu, bao bì	457.713.544	528.625.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.362.790.676	1.419.724.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.787.946.533	21.054.408.022
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>6.686.631.289</i>	<i>4.729.037.936</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>5.982.414.118</i>	<i>4.017.680.770</i>
<i>Chi phí mua ngoài khác</i>	<i>23.118.901.126</i>	<i>12.307.689.316</i>
Các chi phí khác	1.798.719.042	1.020.613.023
Cộng	<u>67.218.696.775</u>	<u>43.903.278.122</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.495.186.988	18.632.739.772
Chi phí vật liệu quản lý	548.611.332	867.950.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	900.048.010	1.028.362.890
Dự phòng phải thu khó đòi	1.302.145.894	2.529.259.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.189.316.804	12.218.759.881
Các chi phí khác	1.429.588.962	1.096.427.846
Cộng	<u>38.864.897.990</u>	<u>36.373.500.332</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	721.573.368.264	462.803.978.482
Chi phí nhân công	113.238.640.760	99.384.013.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.672.439.683	33.366.524.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.775.628.127	85.015.916.471
Chi phí dự phòng	1.302.145.894	2.529.259.865
Chi phí khác	19.988.292.643	5.687.160.374
Cộng	<u>983.550.515.371</u>	<u>688.786.853.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuê tài chính TSCĐ hữu hình đã bán	20.968.786.167	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	468.200.000	-
Hoàn ứng	903.800.920	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<u>Năm nay</u>		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 14/6/2022)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT (đến ngày 14/6/2022)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (từ ngày 14/6/2022)	-	26.000.000	26.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS (đến ngày 14/6/2022)	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến ngày 14/6/2022)	-	30.500.000	30.500.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS (từ ngày 14/6/2022)	-	13.000.000	13.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (từ ngày 14/6/2022)	-	13.000.000	13.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	11.000.000	11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
	(đến ngày 14/6/2022)			
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/9/2022)	602.350.000	-	602.350.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/9/2022)	50.000.004	-	50.000.004
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/3/2022)	280.020.000	-	280.020.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/01/2022)	51.425.000	-	51.425.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	113.269.000	-	113.269.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 03/5/2022)	314.956.511	-	314.956.511
Cộng		1.412.020.515	314.000.000	1.726.020.515
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên BKS	-	10.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	14.000.000	14.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	38.888.892	-	38.888.892
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	593.000.000	-	593.000.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	112.200.000	-	112.200.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	104.556.000	-	104.556.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	46.410.000	-	46.410.000
Cộng		895.054.892	342.000.000	1.213.054.892

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Bán hàng	-	4.279.839.464
Dịch vụ cho thuê văn phòng	7.452.724.611	5.123.355.936
Phải trả lãi đi vay	3.062.465.754	4.753.561.644
Thu tiền cho vay	184.000.000.000	248.000.000.000
Chi tiền cho vay	-	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Bán hàng	377.387.784.187	263.986.165.828
Trả lại hàng mua	2.603.316.681	14.121.410.889
Hàng khuyến mại	-	2.337.518.335
Mua hàng	-	1.306.267.776
Góp vốn vào Công ty con	50.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		
Góp vốn vào Công ty con		50.000.000.000
Nhận tiền đi vay từ Công ty con	25.800.000.000	47.500.000.000
Trả tiền đi vay cho Công ty con	43.700.000.000	3.800.000.000
Lãi đi vay phải trả Công ty con	1.873.775.342	115.249.315
Chuyển tiền cho Công ty con vay	-	3.600.000.000
Công ty con trả tiền đi vay	-	3.600.000.000
Lãi cho vay nhận của Công ty con	-	13.446.575
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		
Chuyển tiền cho vay	491.650.000.000	792.600.000.000
Thu hồi cho vay	277.000.000.000	742.600.000.000
Lãi tiền cho vay	19.001.260.274	7.330.169.863
Nhận tiền đi vay từ Công ty con	-	12.500.000.000
Trả tiền đi vay cho Công ty con	-	12.500.000.000
Lãi vay phải trả Công ty con	-	147.899.179
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	225.850.295	574.654.555
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng	47.414.400	26.815.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	43.941.862.866	5.773.179
Bán hàng	12.825.854.500	913.880.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh

Điều chỉnh hồi tố sai sót do gian lận của Ban lãnh đạo giai đoạn 2006-2008

Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định đây là sai sót do gian lận của Ban lãnh đạo giai đoạn 2006-2008, theo đó, quyết định trình bày hồi tố theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Ngoài ra năm trước Công ty trình bày khoản phải thu từ hoạt động hợp tác đầu tư là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Công ty đã điều chỉnh sai sót trong năm nay

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu		Số liệu sau điều chỉnh
		trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	306.262.000.000	(50.000.000.000)	256.262.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.500.425.532	50.000.000.000	61.500.425.532
Phải trả ngắn hạn khác	319		58.431.883.500	58.431.883.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(58.431.883.500)	(58.431.883.500)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.198.000.779)	7.343.616.436	(29.854.384.343)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.994.350.629)	(50.020.000.000)	(75.014.350.629)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(1.089.462.000.000)	491.200.000.000	(598.262.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25	1.332.229.084.931	(441.200.000.000)	891.029.084.931
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.696.254.693	(7.323.616.436)	45.372.638.257

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin về vụ kiện

Liên quan đến Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (*Thuyết minh VIII.3*), ngày 02/12/2022, Công ty Cổ phần Dược Cửu Long có đơn kháng cáo về trách nhiệm dân sự, đề nghị tuyên xử "Buộc các bị cáo và người liên quan (các thành viên Hội đồng quản trị cùng các cổ đông đã hưởng thù lao, cổ tức từ nguồn tiền hạch toán giảm giá vốn từ năm 2006 đến năm 2008) liên đới bồi thường, hoàn trả toàn bộ số tiền 3.848.000 USD cho Bộ Y tế. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Toà án Nhân dân thành phố Hà Nội thông báo đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lâm Minh Thương

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lương Trọng Hải